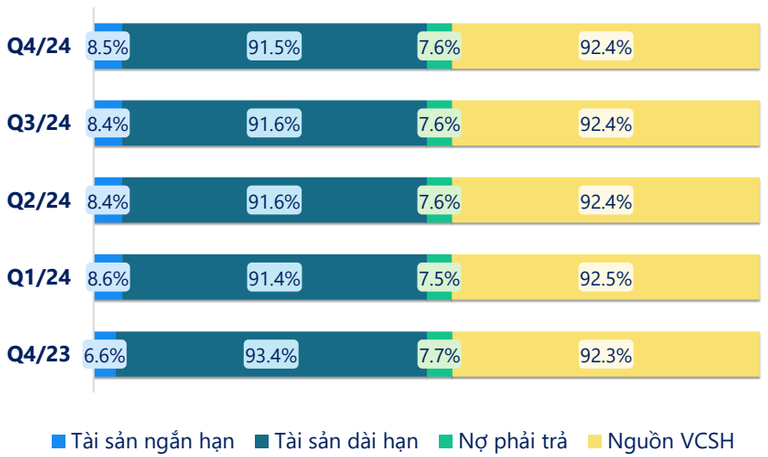
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	1,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,500
SL cổ phiếu LH	150,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	223,390
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	270
P/E	-102.3
EPS	-18

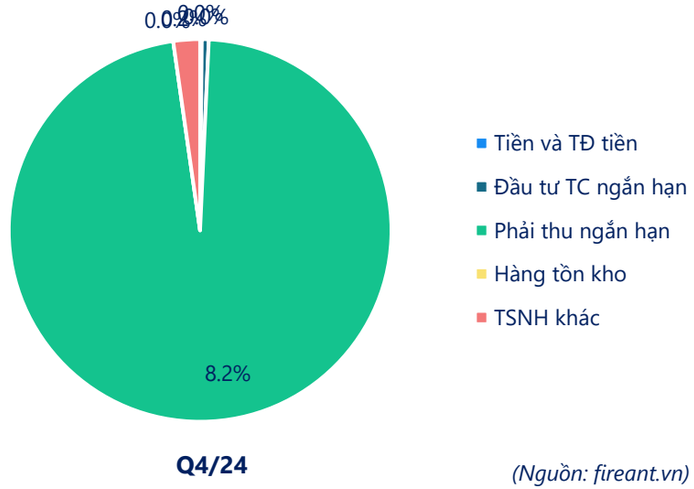
	YTD	1T	3T	6T
VHG	5.9%	5.9%	-14.3%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



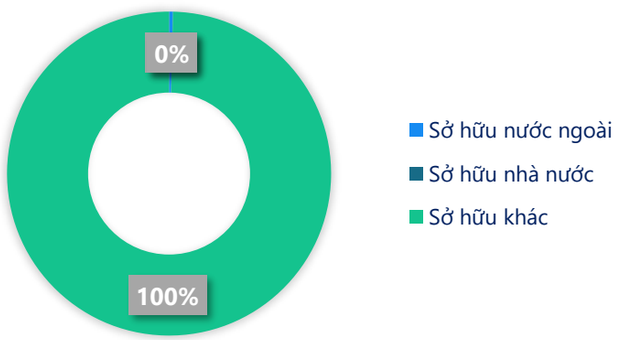
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



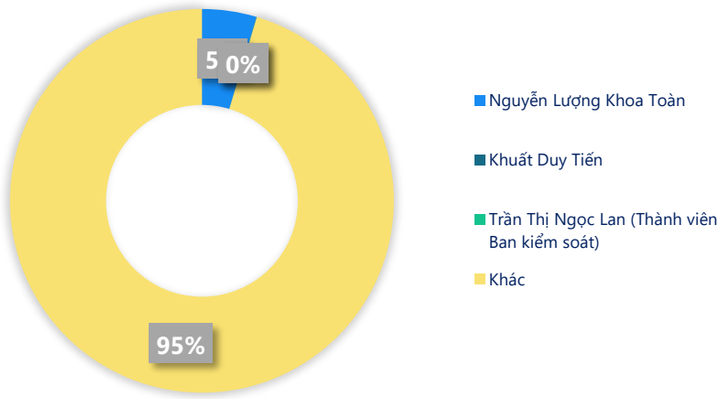
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



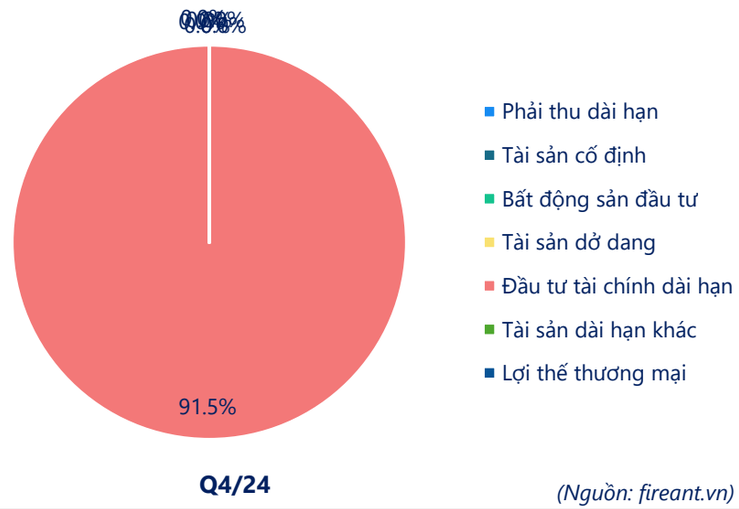
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

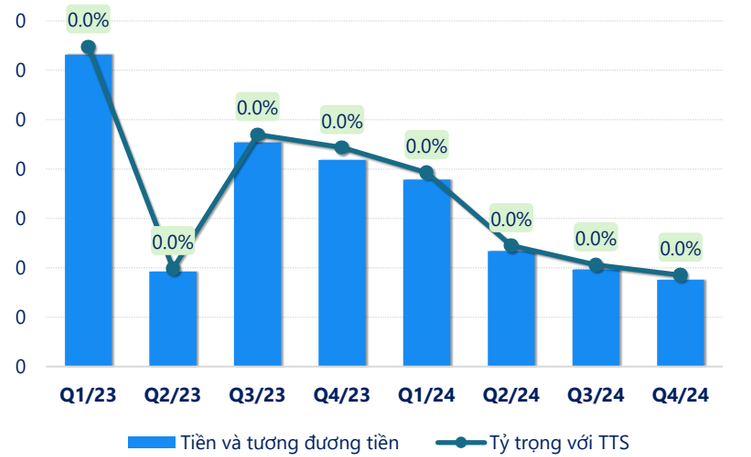


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

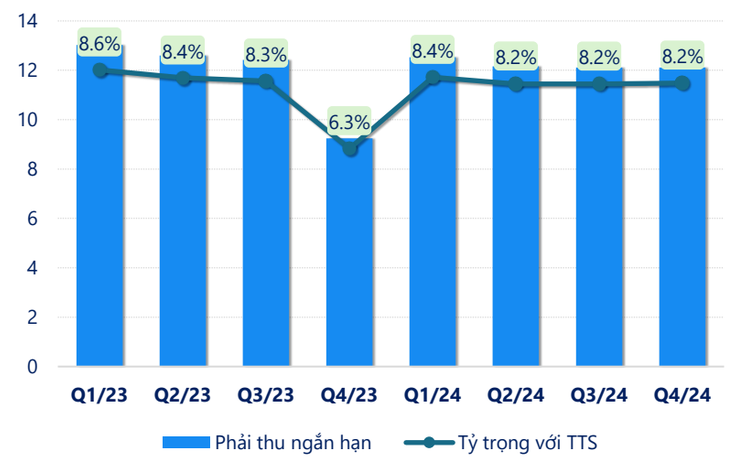
CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

Tiền và tương đương tiền



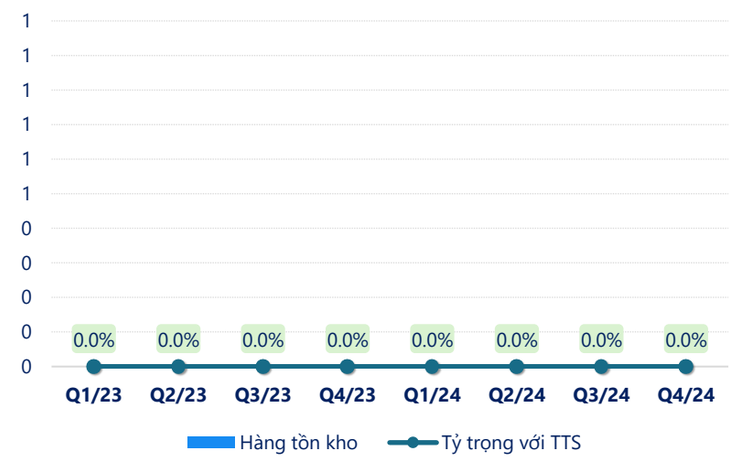
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



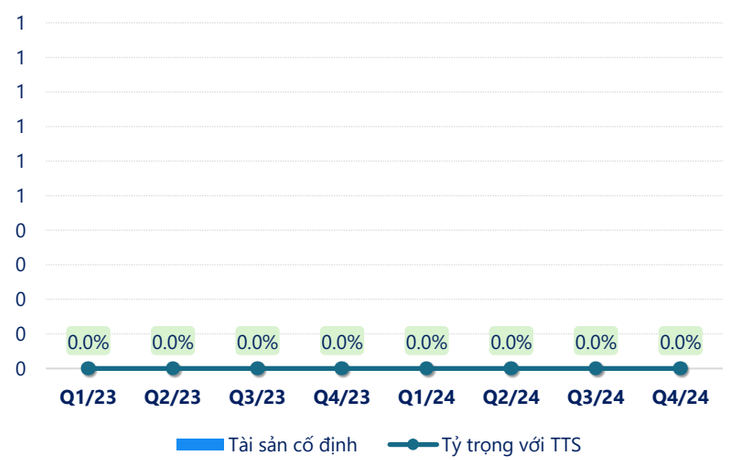
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



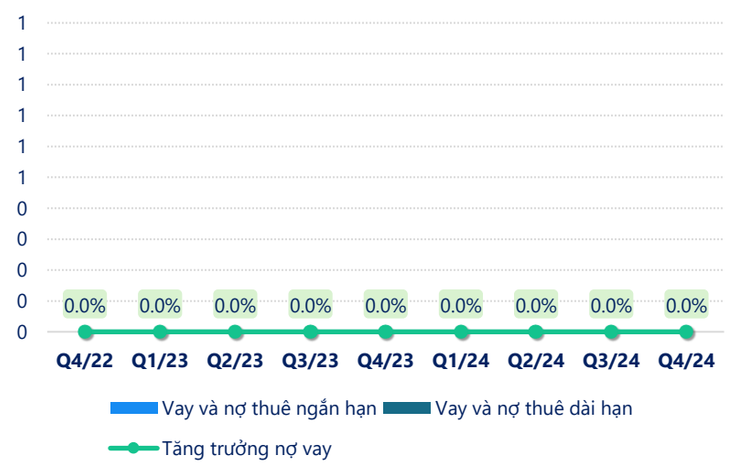
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



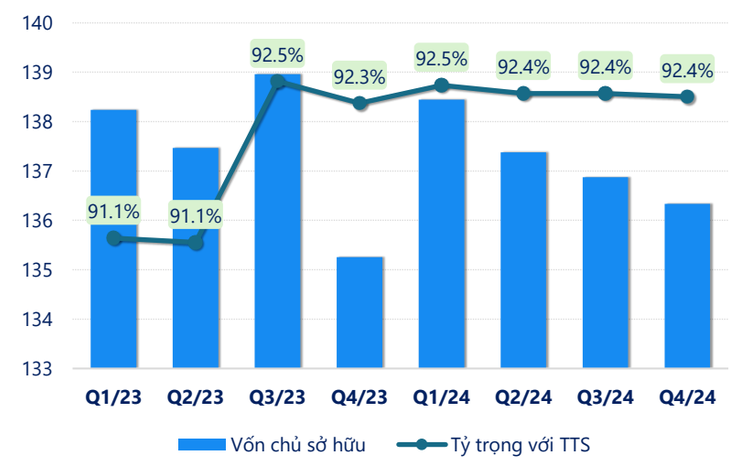
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

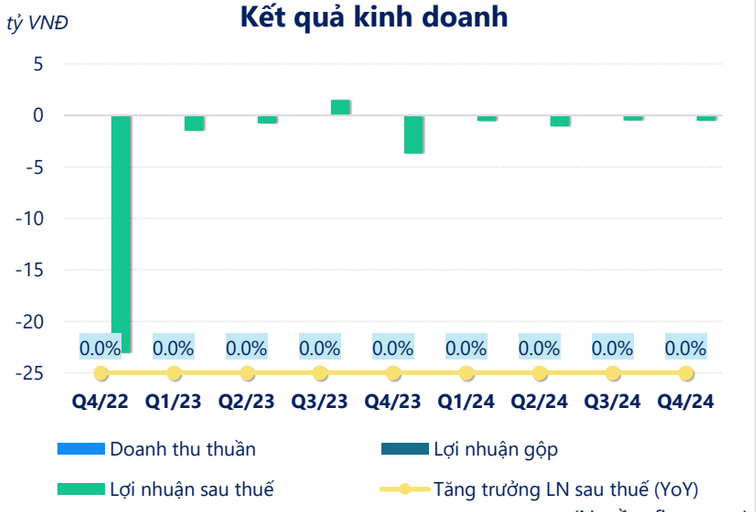
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

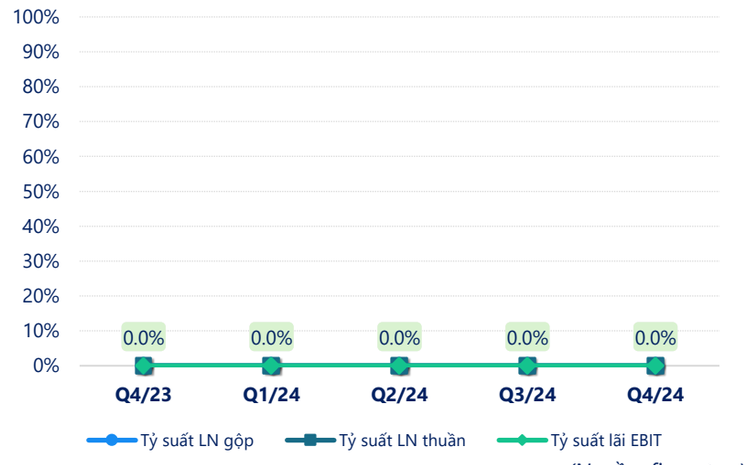
CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

Kết quả kinh doanh



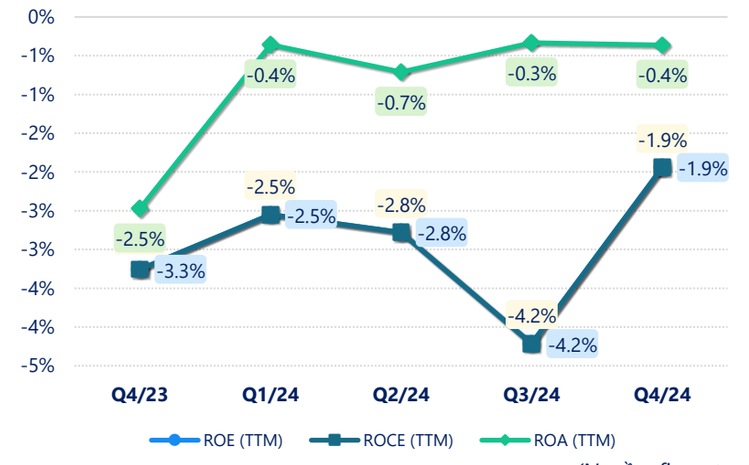
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



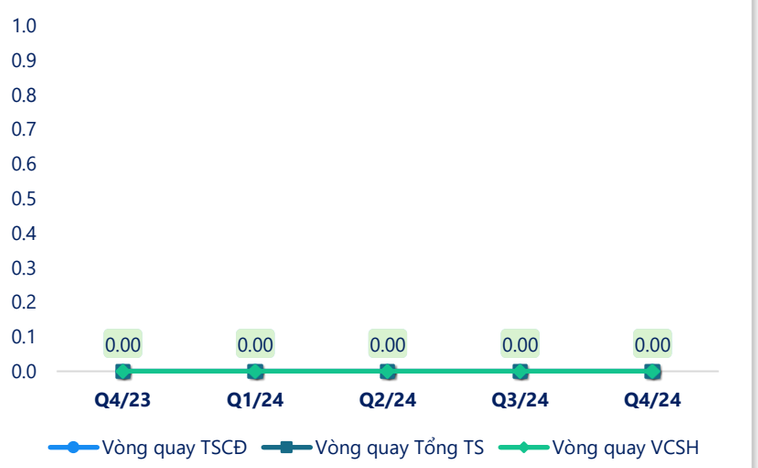
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



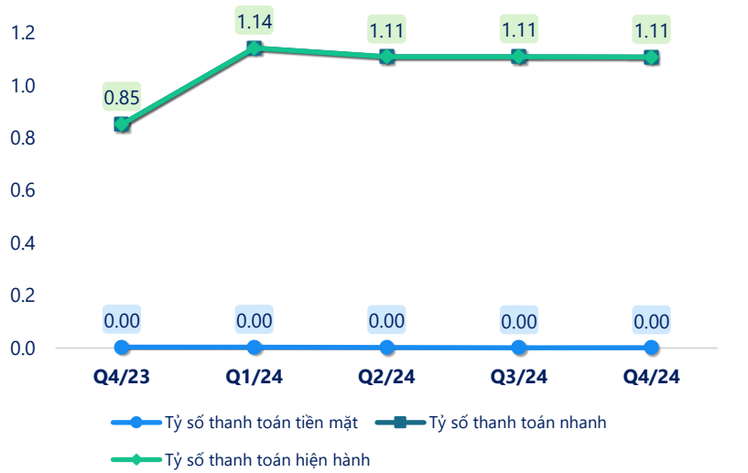
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



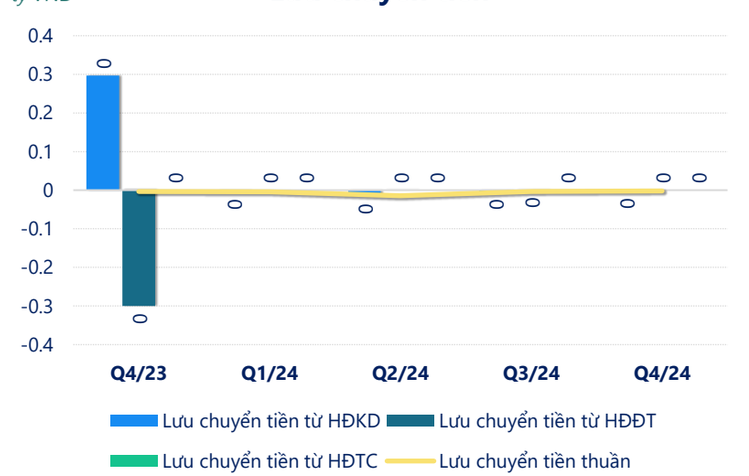
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**148**	**150**	**-1.8%**
Tài sản ngắn hạn	12.5	12.9	-3.3%
Tiền và tương đương tiền	0.02	0.04	-58.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.07	0.07	12.1%
Phải thu ngắn hạn	12.1	12.5	-3.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.26	9.9%
Tài sản dài hạn	**135**	**137**	**-1.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	135	137	-1.6%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	11.3	11.3	0.0%
Nợ ngắn hạn	**11.3**	**11.3**	**0.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.81	0.81	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**136**	**139**	**-1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**136**	**139**	**-1.9%**
Vốn điều lệ	1,500	1,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	0	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	0	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.53	0.51	0.68	0.50	0.53
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.18	0.03	0.39	0.00	0.00
LN thuần từ HĐKD	-3.71	-0.54	-1.07	-0.50	-0.53
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN trước thuế	-3.71	-0.54	-1.07	-0.50	-0.53
Lợi nhuận sau thuế	-3.71	-0.54	-1.07	-0.50	-0.53
LNST của CĐ cty mẹ	-3.71	-0.54	-1.07	-0.50	-0.53

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.30	0.00	-0.01	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.30	0.00	0.00	0.00	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.05	0.04	0.04	0.02	0.02
Lưu chuyển tiền thuần	**0.00**	**0.00**	**-0.01**	**0.00**	**0.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.04	0.04	0.02	0.02	0.02

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic